TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/DS-ST
Ngày: 14-6-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoành
Ông Ngô Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Hồng T, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 26/02/2024.

- *Bị đơn*: Ông Trần Thanh P (vắng mặt).

Bà Võ Thị Kim C (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2024 của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 06/02/2023 bà T có cho vợ chồng bà C, ông P vay số tiền 42.000.000 đồng, mục đích vay để làm vốn làm ăn, thoả thuận mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, bà C có làm biên nhận, do chỗ chị em ruột nên không tính lãi. Sau khi vay đến nay đã hơn 01 năm nhưng vợ chồng bà C không trả vốn. Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T yêu cầu bị đơn ông Trần Thanh P và bà Võ Thị Kim C phải liên đới trả lại cho bà T số tiền còn nợ là 42.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/5/2024 bị đơn bà Võ Thị Kim C trình bày:

Bà Võ Thị Hồng T là chị ruột của bà và ông Trần Thanh P là chồng của bà. Về nội dung bà T khởi kiện bà về số nợ 42.000.000 đồng bà thừa nhận có nợ bà T số nợ 42.000.000 đồng là sự thật và biên nhận ngày 06/02/2023 mà bà T cung cấp cho Toà án bà xác nhận đúng là chữ ký, chữ viết của bà. Tuy nhiên, nợ này là nợ riêng của bà, không có liên quan đến chồng bà là ông Trần Thanh P. Món nợ này thực chất xuất phát từ việc trước đây bà T có buôn bán quần áo hàng may mặc, bà T chuyển hàng xuống cho bà bán kiếm lời, ban đầu nợ hàng hoá số tiền 20.000.000 đồng, mỗi tháng đều đóng lãi 1.000.000 đồng, cho con đi học, sau đó thì bà T gởi quần áo thêm và nợ thêm, cộng lãi dồn vô vốn, đến khi tổng kết là nợ 42.000.000 đồng và bà T bắt làm biên nhận, bắt mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Khi dịch bệnh tới bà không có khả năng trả nên nợ đến nay. Việc bà trả lãi cho bà T không có làm biên nhận, không người chứng kiến. Nay bà T yêu cầu trả số nợ 42.000.000 đồng bà đồng ý trả, nhưng xin trả mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt nợ. Do hiện nay điều kiện hoàn cảnh gặp khó khăn, thu nhập hàng tháng không đủ khả năng trả một lần cho bà T. Riêng đối với chồng bà không có liên quan trong vụ việc này, đề nghị Toà án xem xét cho chồng bà được vắng mặt, không tham gia vụ án.

Bị đơn ông Trần Thanh P vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông P, bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà T số tiền còn nợ 42.000.000 đồng. Án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Võ Thị Kim C và ông Trần Thanh P. Xét thấy, phiên tòa đã mở lần hai, bị đơn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà C, ông P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ 42.000.000 đồng. Quá trình làm việc tại Toà án bị đơn bà C thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 500.000 đồng đến khi dứt nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh do các đương sự đều thừa nhận. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà T số tiền còn nợ 42.000.000 đồng.

[3] Về nghĩa vụ liên đới: Nguyên đơn yêu cầu ông Trần Thanh P là chồng bà Võ Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới cùng bà C trả số nợ nêu trên. Bị đơn bà C cho rằng đây là nợ riêng của bà không liên quan đến chồng bà là ông P. Tuy nhiên, bà C cũng trình bày số nợ trên xuất phát từ việc trước đây bà T có buôn bán quần áo hàng may mặc, bà T chuyển hàng xuống cho bà bán kiếm lời lo cho con đi học. Giữa bà C với ông P có quan hệ là vợ chồng, việc bà C nợ tiền do làm ăn mua bán có thu nhập phục vụ cho sinh hoạt của gia đình cụ thể là lo cho con cái, nên khoản nợ trên được xem là khoản nợ chung của gia đình. Do đó, theo qui định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình ông P phải có nghĩa cùng trả nợ với bà C.

[4] Về thời gian trả nợ: Bị đơn bà C xin trả dần số tiền còn nợ, mỗi tháng trả 500.000 đồng đến khi dứt nợ nhưng không được đại diện nguyên đơn đồng ý, các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà C, ông P có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà T số tiền còn nợ 42.000.000 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả. Nguyên đơn bà T là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xử lý.

[7] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 92, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T. Buộc bị đơn bà Võ Thị Kim C và ông Trần Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T số tiền còn nợ vốn 42.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Võ Thị Kim C và ông Trần Thanh P có nghĩa vụ liên đới nộp án phí số tiền 2.100.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp